**MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÚP HỌC SINH LÀM TỐT BÀI TẬP LÀM VĂN**

**TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 8**

**1. Tìm hiểu đề (hay còn gọi là phân tích đề):**

Để có một bài văn hoàn chỉnh người viết phải trải qua năm bước (Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, viết bài văn, đọc và sửa bài), trong đó *tìm hiểu đề* là bước thứ nhất. Kĩ năng *tìm hiểu đề* là kĩ năng định hướng cho toàn bộ quá trình thực hiện một bài tập làm văn. Tuy vậy đa số học sinh thường không chú ý đến bước này. Vì vậy trong quá trình làm bài các em thường lạc đề hoặc lệch đề nên bài văn thường không có điểm cao.

Cũng chính vì lẽ đó hướng dẫn các em làm tốt bước này sẽ giúp học sinh tránh được việc lạc đề, lệch đề. Từ đó bài văn sẽ tốt hơn.

Nắm được hạn chế đó của học sinh nên tôi luôn hướng dẫn học sinh thực hiện thao tác này và nó được lặp đi lặp lại ở mỗi bài viết cũng như trước các đề trong bài học. Trên cơ sở đó các em sẽ biến nó thành một kĩ năng cần thiết trước khi viết bài.

Để học sinh xem tìm hiểu đề là một bước không thể thiếu khi làm bài thì giáo viên phải giúp các em thành thạo bước này trong quá trình dạy học. Người giáo viên nên tận dụng thời gian để cho các em luyện tập.

**Ví dụ:**

Như ra đề rồi yêu cầu HS về nhà thực hiện, trước các bài viết số 1, số 2, trong các đề có trong SGK, …

Để giúp học sinh tìm hiểu đề, trước một đề bài tôi thường yêu cầu học sinh đọc nhiều lần (thậm chí yêu cầu học sinh đọc thuộc đề); lấy bút chì gạch chân những từ cần chú ý, chép lại đề với những ý có gạch đầu dòng để làm cho nổi bật các yêu cầu của đề; xác định ba yêu cầu của đề.

Kết quả của bước tìm hiểu đề phải giúp học sinh xác định được tất cả các yêu cầu của đề bài:

- Kiểu bài: Tự sự hay miêu tả, tường thuật hay giải thích, …

Lời yêu cầu về kiểu bài: theo lối trực tiếp – nói thẳng (như hãy kể … ) hay lời yêu cầu gián tiếp – nói vòng (như Em thấy mình đã khôn lớn … )

- Đề bài và giới hạn: học sinh cần tìm hiểu rõ qua từng từ ngữ để xác định giới hạn của đề bài. Chỉ một sơ suất nhỏ trong việc xác định giới hạn của đề bài cũng có thể dẫn các em từ tản mạn, xa đề đến lạc đề…

**Ví dụ :**

Cho đề bài: Em hãy kể lại một kỉ niệm sâu sắc thời thơ ấu.

Trước đề này có rất nhiều học sinh kể ra hai, ba kỉ niệm, không có kỉ niệm nào được kể một cách đầy đủ (nhưng đề yêu cầu kể một kỉ niệm).

*Tìm hiểu đề* là bước quan trọng, tuy nhiên trong chương trình học các em lại chỉ được học không đến một tiết (ở lớp 6). Thêm vào đó ở chương trình Ngữ văn 8 các em học văn tự sự chỉ trong 13 tiết nên thời gian không nhiều.

Để khắc phục được khó khăn đó và cho học sinh thực hiện tốt bước này tôi đã kết hợp thời gian trên lớp, thời gian ở nhà của các em để hướng dẫn và cho các em thực hành.

**Ví dụ 1:**

Khi dạy xong ***tiết 8 – Bố cục của văn bản***, trước khi đi vào làm bài tập trong SGK giáo viên có thể cho học sinh thực hiện bước này. Giáo viên treo bảng phụ có chép sẵn đề bài:

Em hãy kể lại một kỉ niệm sâu sắc trong thời thơ ấu của em.

Yêu cầu trả lời :

- Kiểu bài của mỗi đề là gì?

- Lời yêu cầu ở mỗi đề là trực tiếp hay gián tiếp?

- Nội dung của đề bài nằm trong giới hạn nào (kể về một hay nhiều kỉ niệm)?

- Lưu ý: Đọc thật kĩ đề bài, lấy bút chì gạch dưới những từ ngữ quan trọng.

Ở đây do là tiết đầu hướng dẫn học sinh làm nên có thể cho các em tự tìm hiểu nhanh sau đó giáo viên hướng dẫn các em làm:

\* Kiểu bài:

- Đề có kiểu bài tự sự.

- Đề có yêu cầu trực tiếp.

\* Giới hạn của đề bài: kể duy nhất một kỉ niệm, đó là kỉ niệm đáng nhớ nhất ở thời thơ ấu.

Từ nội dung đó giáo viên nhắc nhở học sinh: từ bây giờ, trước khi viết một bài văn các em nên tìm hiểu đề bài trước để viết bài văn cho tốt bằng cách thực hiện các yêu cầu như bài tập các em vừa làm. Có thể khái quát thành hai nội dung cơ bản (ta gọi là *Tìm hiểu đề*):

- Xác định kiểu bài;

- Xác định nội dung của đề bài;

- Xác định giới hạn của đề bài.

Sau khi hướng dẫn các em thực hiện xong giáo viên có thể ra đề yêu cầu các em về nhà làm. Ở tiết học tiếp theo giáo viên xem bài các em làm và cho điểm (nếu làm tốt).

**Ví dụ 2:**

Khi dạy xong bài ***Xây dựng đoạn văn trong văn bản*** (tiết 10 – bài 3), giáo viên yêu cầu học sinh: Ngoài việc chuẩn bị để làm bài các em thực hiện trước bước tìm hiểu đề cho các đề có trong phần Viết bài tập làm văn số 1 – văn tự sự.

Tới tiết 11-12, trước khi viết bài giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 học sinh trình bày kết quả việc tìm hiểu đề rồi mới đi vào viết bài.

Học sinh trả lời :

Đề 1: Kể lại những kỉ niệm trong ngày đầu tiên đi học.

- Kiểu bài: kể (tự sự), yêu cầu trực tiếp.

- Giới hạn: những kỉ niệm trong ngày đầu tiên đi học (chỉ trong ngày đầu tiên mà thôi).

Đề 2. Người ấy (bạn, thầy, người thân, …) sống mãi trong lòng tôi.

- Kiểu bài: kể (tự sự), yêu cầu gián tiếp.

- Giới hạn: chỉ kể về một người thân (có thể là một kỉ niệm khó quên với người đó).

**Ví dụ 3:**

Tương tự như ví dụ 2, trước khi ***Viết bài viết số 2***, giáo viên cũng yêu cầu học sinh thực hiện bước tìm hiểu đề.

Trong quá trình dạy – học (nhất là ở tiết trả bài) tôi đã cho học sinh thấy một cách nghiêm túc rằng lạc đề là lỗi nặng nhất, nghiêm trọng nhất của một bài tập làm văn. Một bài văn lạc đề dù có những đoạn văn hay đến đâu cũng không thể đạt được điểm số cần thiết.

Đối với giáo viên, trước một đề tập làm văn việc tìm hiểu đề là đơn giản nhưng với học sinh bước này rất quan trọng. Vì vậy, trước bất cứ một đề văn nào giáo viên luôn yêu cầu học sinh thực hiện bước này.

Có thể nói rằng đây là một bước mất ít thời gian của tiết học nhưng nó mang lại hiểu quả rất tốt cho học sinh.

**2. Viết đoạn văn trong văn bản tự sự :**

Thế nào là đoạn văn? Đoạn văn là đơn vị cấu tạo nên văn bản, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành. Đoạn văn thường có câu chủ đề hoặc từ ngữ chủ đề. Ta thường có đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song hành, …

Đoạn văn là đơn vị cấu tạo nên văn bản. Vì vậy viết tốt đoạn văn là một trong những điều kiện để có một bài văn hay.

Trong chương trình Ngữ văn 8, học sinh được học *cách xây dựng đoạn văn* ở tiết 10 – ***Xây dựng đoạn văn trong văn bản****,*trong đó học sinh đã nắm được kiến thức về hình thức và nội dung của đoạn văn. Trên cơ sở bài này, các em đã có kiến thức về cách xây dựng đoạn văn. Từ đó tôi thường xuyên cho học sinh luyện tập nhận diện đoạn văn cũng như viết đoạn văn ở trên lớp và ở nhà.

Trước hết, sau khi học xong tiết 10 – ***Xây dựng đoạn văn trong văn bản*** giáo viên cho học sinh làm bài tập nhận điện đoạn văn. Đây là bước giúp học sinh nhận biết cũng như khắc sâu kiến thức về đoạn văn. Trong SGK Ngữ văn 8 có rất nhiều đoạn văn chuẩn, dựa vào ưu điểm này giáo viên cho học sinh làm bài tập nhận diện.

**Ví dụ 1:**

Sau khi dạy xong tiết 10 - ***Xây dựng đoạn văn trong văn bản***, ở bước củng cố nêu yêu cầu: các em xem đoạn văn b trong bài tập 1, phần luyện tập ở trang 26 và đoạn văn giới thiệu về Nam Cao trong phần chú thích ở trang 45 rồi xác định các đoạn văn đó được viết theo cách nào?

Học sinh trả lời:

- Đoạn văn ở trang 26 là đoạn văn viết theo lối diễn dịch (câu chủ đề nằm ở đầu đoạn), chủ đề là nói về vẻ đẹp huyền ảo trong ngày của Ba Vì.

- Đoạn giới thiệu về Nam Cao ở trang 45 được viết theo lối song hành (từ ngữ chủ đề là Nam Cao, ông), đối tượng là Nam Cao.

Học sinh trả lời được như vậy là đã nắm được “Thế nào là đoạn văn”. Trên cơ sở đó tôi cho học sinh đi vào thực hành kĩ năng viết đoạn văn.

**Ví dụ 2:**

Tiếp tục bài tập nhận diện đoạn văn, giáo viên có thể yêu cầu các em về nhà đọc các văn bản *Tại sao lá cây có màu xanh lục, Huế* rồi yêu cầu các em xác định: văn bản *Tại sao lá cây có màu xanh lục* được viết theo kiểu nào: Trong văn bản *Huế* đoạn văn nào được viết theo kiểu diễn dịch? …

***Học sinh trả lời*:**

 Văn bản *Tại sao lá cây có màu xanh lục* là đoạn văn quy nạp (câu chủ đề nằm ở cuối đoạn – Văn bản này chỉ có một đoạn văn). Trong văn bản *Huế* có đoạn văn thứ hai và đoạn văn thứ ba được viết theo lối diễn dịch (câu chủ đề nằm ở đầu đoạn).

Khi học sinh nhận diện đúng đoạn văn tức là các em đã nắm được kiến thức về đoạn văn. Từ đây giáo viên bắt đầu cho các em thực hành viết đoạn văn.

Trong quá trình học, học sinh được học rất nhiều văn bản tự sự. Đó là điều kiện giúp các em viết tốt đoạn văn tự sự.

Khi cho học sinh thực hành viết đoạn văn giáo viên cũng cần chia làm hai giai đoạn: trước hết cho học sinh viết đoạn văn với câu chủ đề cho trước, tiếp theo mới là viết theo yêu cầu mà không có câu chủ đề (học sinh tự đặt câu).

**Ví dụ 1:**

Khi học xong văn bản ***Lão Hạc*** của Nam Cao (tiết 13 -14, bài 4) tôi cho học sinh bài tập về nhà: Về nhà mỗi em viết một đoạn văn nói về Lão Hạc – người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám (cho HS câu chủ đề: Lão Hạc là con người nghèo khổ nhưng lão có nhiều phẩm chất đáng quý.)

Tới tiết 16 – ***Liên kết đoạn văn trong văn bản***, khi kiểm tra bài cũ xong, GV mời một HS trình bày đoạn văn của mình cho thầy cùng cả lớp nghe rồi GV nhận xét. Cuối tiết học GV thu bài lại để về nhà chấm, nhận xét và sửa cho HS.

**Ví dụ 2:**

Khi dạy xong tiết 21 – 22, văn bản ***Cô bé bán diêm,*** GV ra bài tập cho HS về nhà làm:

Em thử tưởng tượng mình là người chứng kiến cái chết của cô bé trong truyện **Cô bé bán diêm** của An – đéc – xen, bây giờ các bạn muốn nghe em kể lại cái chết của cô bé. Vậy em hãy viết một đoạn văn kể lại cho các bạn cùng nghe.

Tới tiết học tiếp theo giáo viên thu bài của các em về nhà chấm, sửa và nhận xét trong bài viết cho các em.

Khi trả lại bài cho học sinh, giáo viên cho đọc một số bài viết tốt để các em rút kinh nghiệm cho bài của mình.

**Ví dụ 3:**

Bài ***Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội*** (tiết 17 – bài 5) có nội dung tương đối ngắn, bài tập dễ nên giáo viên cho học sinh làm bài tập ở nhà. Thời gian trên lớp giáo viên cho học sinh làm bài tập: em hãy viết một đoạn văn ngắn kể về người mẹ (hoặc cha) của mình trong đó có sử dụng từ ngữ địa phương.

Khi học sinh viết xong, giáo viên mời 2 học sinh đọc bài rồi mời những học sinh khác nhận xét. Sau đó giáo viên kết luận về nội dung, chủ đề và hình thức trình bày.

Bài của những học sinh còn lại giáo viên thu để về nhà xem (học sinh chưa viết xong thì thu lại ở tiết sau).

**Ví dụ 4:**

Khi dạy xong tiết 25 - 26, ***Đánh nhau với cối xay gió***, giáo viên yêu cầu học sinh về nhà viết đoạn văn với gợi ý: Sự tương phản giữa Đôn - ki - hô - tê và Xan - chô - Pan - xa.

Đến tiết 28, bài 7 - ***Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm***, giáo viên mời 2 học sinh trình bày đoạn văn.

Trên cơ sở đó ở tiết 28 này học sinh viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm là rất dễ.

Khi học sinh luyện viết đoạn văn có thể có lỗi về câu và chính tả do học sinh tự sắp xếp vì vậy giáo viên cũng cần hướng dẫn học sinh sửa lỗi về câu và chính tả.

Có thể nói việc luyện viết đoạn văn tự sự là rất cần thiết, học sinh viết tốt đoạn văn tự sự có nghĩa là học sinh đã nắm được những yêu cầu của đoạn văn. Trên cơ sở đó khi học văn bản thuyết minh và văn nghị luận học sinh sẽ viết tốt đoạn văn - đó là một trong những tiền đề để học sinh làm tốt các kiểu văn bản khác.

**3 Liên kết đoạn văn trong văn bản:**

Một bài văn được tạo thành bởi nhiều đoạn văn liên kết lại với nhau. Bài văn là một chỉnh thể hoàn chỉnh nên giữa các đoạn văn cần có sự liên kết với nhau. Liên kết đoạn văn nhằm mục đích làm cho ý của cả đoạn vừa phân biệt nhau vừa liền mạch với nhau một cách hợp lí, tạo tính chỉnh thể cho văn bản. Muốn vậy, phải tạo mối quan hệ ngữ nghĩa chặt chẽ, hợp lí giữa các đoạn văn với nhau và sử dụng các phương tiện liên kết phù hợp.

Trong chương trình ngữ văn 8 học sinh đã được học “***Liên kết các đoạn văn trong văn bản***” ở tiết 16, bài 4.

Trên cơ sơ bài học này giáo viên hướng dẫn học sinh thực hành việc liên kết đoạn văn do các em tạo ra.

Trước hết giáo viên cho học sinh làm bài tập nhận diện các phương tiện liên kết đoạn văn.

**Ví dụ 1:**

Khi dạy xong bài ***Liên kết các đoạn văn trong văn bản*** - tiết 16, bài 4, giáo viên yêu cầu: về nhà các em đọc văn bản Cô bé bán diêm (An - đéc - xen) ở trang 64. Sau đó xác định các từ ngữ và câu có tác dụng nối giữa các đoạn văn trong văn bản đó.

Tới tiết 18, bài 5 - ***Tóm tắt văn bản tự sự,*** trong phần kiểm tra bài cũ, giáo viên mời học sinh trình bày (giáo viên kết luận) những từ ngữ, câu có tác dụng nối như:

- Em quẹt que diêm thứ hai,…

- Em quẹt que diêm thứ ba.

- Em quẹt que diêm nữa vào tường, …

- Thế là …

- Sáng hôm sau,

- Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy …

**Ví dụ 2:**

Cũng như ở ví dụ 1, nhưng có thể cho học sinh tìm phương tiện liên kết trong văn bản “ ***Đánh nhau với cối xay gió***” ( Xéc - van - téc), ở văn bản này thì dễ nhận biết hơn.

Học sinh có thể tìm được các phương tiện liên kết:

Vừa bàn tán về cuộc phiêu lưu mới xảy ra, …

Đêm hôm ấy, …

Trên cơ sở bài tập này, giáo viên đã giúp học sinh khắc sâu kiến thức phần lí thuyết, từ đây có thể cho học sinh thực hành việc liên kết đoạn văn.

Việc viết các đoạn văn có sự liên kết với nhau đối với học sinh trung bình và yếu là tương đối khó. Cho nên trong quá trình dạy tôi luôn có những đoạn văn mẫu cho các em. Bên cạnh đó là bài của các em học sinh khá giỏi. Đồng thời luôn khích lệ tinh thần cho các em.

Ở dạng bài này, giáo viên vừa cho học sinh luyện tập ở trên lớp vừa cho các em về nhà làm (giáo viên phải thu vở bài tập rồi chấm và sửa cho học sinh).

**Ví dụ 1:**

Ở bài ***Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sư*** (tiết 24, bài 6), khi dạy đến phần luyện tập, giáo viện cho học sinh làm bài tập 1 và đọc phần đọc thêm ở trên lớp. Còn bài tập 2 - “viết một đoạn văn kể về những giây phút đầu tiên khi em gặp lại một người thân” thì giáo viên cho học sinh về nhà làm. Giáo viên yêu cầu học sinh viết thành 2 đoạn văn đoạn trong đó có các phương tiện liên kết.

Đến tiết 28, bài 7 - Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm, giáo viên mời 2 học sinh trình bày bài của mình rồi giáo viên nhận xét. Sau đó thu bài về nhà chấm và sửa cho học sinh.

**Ví dụ 2:**

Văn bản Đánh nhau với cối xay gió (Xéc - van - téc) có hai nhân vật Đôn - ki - hô - tê và Xan - chô - Pan - xa tương phản nhau về mọi mặt. Vậy sau bài học đó giáo viên yêu cấu học sinh viết 2 đoạn văn nói về hai nhân vật (hai đoạn có quan hệ đối lập).

**Ví dụ 3:**

Học xong văn bản Lão Hạc của Nam Cao (tiết 13 -14, bài 4), học sinh biết rằng chị Dậu và lão Hạc là những con người tiêu biểu cho tầng lớp nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng 8. Giáo viên có thể cho học sinh viết hai đoạn văn nói về số phận và tính cách của người nông dân (thông qua lão Hạc và chị Dậu).

Có thể nói rằng để viết được một bài văn đúng và hay là rất khó, bởi ngoài việc có kiến thức vững vàng nó còn đòi hỏi người viết phải vận dụng nhiều kĩ năng khác nhau. Nhìn chung các kĩ năng đó các em đã được học nhưng do đặc điểm lứa tuổi, cũng như thời gian thực hành còn hạn chế nên người giáo viên phải có biện pháp giúp các em thành thạo những kĩ năng đó mới mong các em vận dụng tốt được.